

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự về vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Hà

Bà Trịnh Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dư Thị Kiều Uyên - Thư ký
Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm
2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 08/QĐST-DS ngày 18/7/2024 và theo Quyết định hoãn phiên
tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. “*Có mặt*”.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1963, anh **Huỳnh Ngọc L1**, sinh năm
1988.

Địa chỉ: **Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. “*Vắng mặt lần 2
không có lý do*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như
tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà **Phạm Thị L** trình bày:

Ngày 22/8/2023 bà **Phạm Thị L** có cho bà **Huỳnh Thị N** và con trai là
Huỳnh Ngọc L1 vay số tiền 7.400.000.000 đồng (*Bảy tỷ bốn trăm triệu đồng*),
đến ngày 31/8/2023 bà **N** và anh **L1** phải trả số tiền 5.500.000.000 đồng (*Năm tỷ
năm trăm triệu đồng*) và đến ngày 30/12/2023 phải trả cho bà số tiền còn lại.
Đến ngày 31/8/2023 bà **N** có trả cho bà số tiền 3.400.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn
trăm triệu đồng*), số tiền còn lại là 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*). Đến ngày
07/5/2024 bà **N** và con trai là **Huỳnh Ngọc L1** có đến vay bà thêm số tiền

1.450.000.000 đồng để đảo vốn ngân hàng. Cộng cả nợ mới và nợ cũ là 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), thời gian trả nợ trong vòng 5 ngày kể từ ngày 07/5/2024 .

Nay bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc mẹ con bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Thanh L2** có phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

*Trong quá trình tố tụng Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn mẹ con bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** nhưng bà **N**, anh **L1** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn bà **N**, anh **L1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc bà **Phạm Thị L** khởi kiện mẹ con bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** về việc mẹ con bà **N**, anh **L1** có vay tiền của bà nhưng đến hạn không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn mẹ con bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** có địa chỉ tại **Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Bị đơn mẹ con bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà **Phạm Thị L** đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính giấy vay tiền ngày 22/8/2023 và ký tên **Huỳnh Thị N, Huỳnh Ngọc L1** trong đó nội dung thể hiện việc bà **N**, anh **L1** có vay của bà **L** số tiền là 7.400.000.000 đồng (*Bảy tỷ bốn trăm triệu đồng*), thỏa thuận đến ngày 31/8/2023 trả 5.500.000.000 đồng (*Năm tỷ năm trăm triệu đồng*, số tiền còn lại 1.900.000.000 đồng (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) hẹn đến ngày 30/12/2023 và giấy vay ngày 07/5/2024 là cộng nợ cũ 4.000.000.000 đồng và

tiền vay thêm 1.450.000.000 đồng. Cộng cả nợ mới và nợ cũ là 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), thời gian trả nợ trong vòng 5 ngày kể từ ngày 07/5/2024 .

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho mẹ con bà **N**, anh **L1** nhưng mẹ con bà **N**, anh **L1** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **L** cũng như không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc mình không vay hoặc đã trả xong cho bà **L**. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh do một bên đương sự không có yêu cầu phản đối. Vì vậy việc bà **L** căn cứ vào giấy vay tiền ngày 22/8/2023 và giấy vay tiền ngày 07/5/2024 để khởi kiện mẹ con bà **N**, anh **L1** là hoàn toàn có cơ sở.

Xét thấy tại vay tiền ngày 22/8/2023 và giấy vay tiền ngày 07/5/2024 thể hiện số tiền mẹ con bà **N**, anh **L1** đã vay của bà **L** và thời hạn trả nợ. Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và việc bà **L** khởi kiện mẹ con bà **N**, anh **L1** yêu cầu mẹ con bà **N**, anh **L1** phải trả số tiền 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà **Phạm Thị L** buộc bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà **L** số tiền 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà **Phạm Thị L** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà **Huỳnh Thị N** (tuy trên 60 tuổi) nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 113.450.000 đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phạm Thị L** đối với bị đơn bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1**.

Buộc bị đơn bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Phạm Thị L** số tiền là 5.450.000.000 đồng (*Năm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

“ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà **Huỳnh Thị N**, anh **Huỳnh Ngọc L1** phải có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.450.000 đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Hoàn trả lại số cho bà **Phạm Thị L** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.725.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007964 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tiến Dũng

